HỢP TÁC KINH TẾ CỦA CƯ DÂN HAI TỈNH QUẢNG BÌNH (VIỆT NAM) VÀ KHĂM MUỘN (LÀO)

Nguyễn Viết Xuân

Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Bình
Email: *vietxuan.tctuqb@gmail.com*

Ngày nhận bài: 20/5/2020
Ngày phản biện: 22/5/2020
Ngày tác giả sửa: 26/5/2020
Ngày duyệt đăng: 09/6/2020
Ngày phát hành: 21/6/2020

DOI:
https://doi.org/10.25073/0866-773X/431

Trong tiến trình lịch sử, cư dân các dân tộc dọc biên giới Việt Nam - Lào, hai tỉnh Quảng Bình và Khăm Muộn đã có mối quan hệ qua lại, cộng cư, xen cư và hôn nhân gần gũi, góp phần quan trọng xây dựng mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước, bảo vệ và giữ gìn chủ quyền biên giới quốc gia. Trên nền tảng quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, những kết quả trong quan hệ hợp tác, nhất là hợp tác về kinh tế giữa cư dân hai tỉnh Quảng Bình (Việt Nam) - Khăm Muộn (Lào) đã đóng vai trò quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương trong những năm đầu thế kỷ XXI. Đây cũng là một trong những nhân tố quan trọng để vun đắp hơn nữa mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa hai tỉnh nói riêng, hai dân tộc Việt Nam - Lào nói chung.

Từ khóa: Hợp tác kinh tế; Tỉnh Khăm Muộn; Tỉnh Quảng Bình; Quan hệ hữu nghị Việt Nam - Lào.

1. Đặt vấn đề

Quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Lào là quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt vốn có từ lâu đời, được nhân dân hai nước dày công xây dựng, vun đắp qua nhiều thế hệ, là biểu tượng của tình đoàn kết quốc tế mẫu mực, thủy chung và là tài sản vô giá của nhân dân hai nước. Tình hữu nghị truyền thống và hợp tác đặc biệt Việt Nam - Lào được các địa phương của hai nước, nhất là các tỉnh có chung đường biên giới giữ gìn và phát huy toàn diện trên các lĩnh vực, cả trong đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

Quan hệ giữa hai tỉnh Quảng Bình - Khăm Muộn như một minh chứng sống động cho tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào. Suốt tiến trình lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhân dân hai tỉnh luôn kề vai, sát cánh bên nhau. Phát huy truyền thống hữu nghị tốt đẹp, bước sang thế kỷ XXI, nhân dân hai tỉnh tiếp tục vun đắp và thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện, coi đó là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi tỉnh. Tuy cùng là hai tỉnh có điều kiện kinh tế còn khó khăn, nhưng cư dân vùng biên giới của hai tỉnh thường xuyên qua lại, giao lưu hợp tác phát triển kinh tế - xã hội. Hàng năm, hai tỉnh vẫn dành cho nhau những khoản viện trợ, chú trọng dành những ưu tiên, ưu đãi cho nhau, tạo điều kiện hỗ trợ, giúp nhau phát triển kinh tế - xã hội.

Vào ngày 10/10/2000, tại thị xã Thà Khẹc, tỉnh Khăm Muộn (Lào), đoàn đại biểu cấp cao hai tỉnh Quảng Bình và Khăm Muộn đã tiến hành hội đàm. Hai bên xác định "tiếp tục công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh nhằm bảo vệ nền độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, làm tốt nhiệm vụ xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác chiến lược, toàn diện và đặc biệt giữa hai dân tộc Việt Nam - Lào nói chung và hai tỉnh Quảng Bình - Khăm Muộn nói riêng" (Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, 2000). Đây là cơ sở mở đầu cho việc hợp tác toàn diện của hai tỉnh trong giai đoạn mới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu quan hệ hợp tác giữa các tỉnh hai bên biên giới Việt Nam - Lào trong những năm gần đây được các cơ quan nghiên cứu và các nhà nghiên cứu khá quan tâm. Đặc biệt, quan hệ giữa các tỉnh dọc biên giới hai nước đã được nghiên cứu trong nhiều luận văn thạc sĩ ở Đại học Vinh và Đại học Huế. Tiêu biểu là một số công trình nghiên cứu như: "Quan hệ giữa tỉnh Thanh Hóa (Việt Nam) và Hủa Phăn (Lào) từ 1976-2002" (Lê Trọng Thế, 2003); "Quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh Nghệ An (Việt Nam) và Xiêng Khoảng (Lào) (1976-2002)" (Đậu Quỳnh Mai, 2004); "Quan hệ hợp tác Nghệ An (CHXHCN Việt Nam) - Hủa Phăn, Xiêng Khoảng và Bô-ly Khăm-xay (CHDCND Lào) trong việc giải quyết vấn đề biên giới" (Nguyễn Thị Hồng Vui, 2005); "Quan hệ hợp tác giữa tỉnh Hà Tĩnh (CHXHCN Việt Nam) và Bô-ly Khăm-xay (CHDCND Lào) từ năm 1976 đến 2003" (Dương Thị Kim Ly, 2004); "Quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh Quảng Bình (Việt Nam) - Khăm Muộn (Lào) từ 1976-2006" (Nguyễn Thị Hương Trà, 2008); "Quan hệ Quảng Bình (CHXHCN Việt Nam) và Khăm Muộn (CHDCND Lào) trong việc hợp tác giải quyết vấn đề an ninh và phát triển kinh tế - xã hội biên giới từ 1976-2010" (Trần Hải Định, 2011); "Quan hệ hợp tác Quảng Trị (CHXHCN Việt Nam) và Savannakhet (CHDCND

Lào) từ 1986 đến 2008" (Vũ Thị Thu, 2009)... Các tác giả đã trình bày, phân tích về quan hệ giữa các tỉnh dọc biên giới Việt Nam - Lào. Những công trình nghiên cứu trên đã đóng góp lớn về mặt tư liệu đồng thời cũng phản ánh thực tế của mối quan hệ giữa hai nước có trên 2.300km đường biên giới với mỗi nước, trong đó có 10 tỉnh nằm dọc biên giới.

Gần đây, công trình nghiên cứu của các tác giả Trần Bình, Đặng Minh Ngọc về "Quan hệ kinh tế giữa các dân tộc vùng biên giới Việt - Lào khu vực các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Nghệ An và Hủa Phăn, Xiêng Khoảng" (Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc Volume 9 Issue 1) đã đề cập đến quan hệ tự phát trên lĩnh vực kinh tế giữa các dân tộc, nhưng là bộ phận không thể thiếu trong quan hệ kinh tế giữa các dân tộc hai bên biên giới Việt Nam - Lào. Nghiên cứu cho thấy, quan hệ kinh tế giữa các dân tộc hai bên biên giới Việt Nam - Lào chính là minh chứng hùng hồn nhất cho đường lối, chính sách đúng đắn của hai Đảng và hai Nhà nước, đặc biệt thể hiện rõ nét mong muốn vun đắp tình hữu nghị trong sáng, bền vững, thủy chung giữa hai dân tộc Việt Nam - Lào.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối, chủ trương của quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước, hai tỉnh. Là một công trình nghiên cứu lịch sử, vì vậy, phương pháp lịch sử là phương pháp chủ đạo trong phân tích, đánh giá các sự vật, hiện tượng, các nội dung và sự kiện lịch sử. Bên cạnh đó, bài viết sử dụng phương pháp logic, kết hợp các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, trong đó chú trọng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, dự báo.

Các dữ liệu, tài liệu thu thập được để phân tích, đánh giá, tìm ra những luận điểm, kết luận có giá trị khoa học, hữu ích đã cung cấp những luận cứ khoa học cho việc nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Mối quan hệ và sự giao thoa văn hóa của cư dân vùng biên giới

Về mặt tự nhiên, địa bàn hai tỉnh Quảng Bình - Khăm Muộn nằm trong vùng kiến tạo Bắc Trường Sơn, là nơi hội tụ các đặc điểm địa hình chứa đựng yếu tố đa dạng địa hình và sinh học Bắc - Nam. Đông và Tây Trường Sơn đều là điểm tựa cho sự phát triển địa hình. Phát triển theo hướng Đông là chuỗi địa hình gắn kết với vùng gò đồi và vùng đồng bằng ven biển, tạo nên vùng sinh thái lâm - nông nghiệp và thủy sản nước mặn của Quảng Bình; còn phát triển về hướng Tây theo chuỗi địa hình vùng rừng núi kết nối với vùng bán sơn địa kéo đến tận vùng lưu vực sông Mê Kông, là địa bàn của tỉnh Khăm Muộn. Cả hai tỉnh đều nằm ở miền Trung, nơi có vị trí hẹp nhất của Lào và Việt Nam, khoảng trên dưới 50km. Tuy cách nhau dãy Trường Sơn, nhưng do có những đoạn đồi núi thấp, đèo dốc không cao nên việc đi lại của nhân dân hai tỉnh khá dễ dàng, gần gũi.

Hai tỉnh đều có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng, trong đó tài nguyên rừng được xếp vào loại phong phú bậc nhất ở cả hai nước. Đây cũng là khu vực giàu tài nguyên khoáng sản. Đặc biệt, giữa hai tỉnh có hệ thống địa hình Karst rộng lớn, bao phủ cả khu vực hai bên sườn Tây và Đông Trường Sơn. Đó là khối núi đá vôi Hin - Nậm Nô của tỉnh Khăm Muộn và Phong Nha - Kẻ Bàng của tỉnh Quảng Bình, chứa đựng nhiều giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa toàn cầu và tiềm năng phát triển kinh tế của hai tỉnh.

Cùng với sự tương đồng về đặc điểm tự nhiên, giữa cư dân hai tỉnh còn có sự tương đồng trên nhiều lĩnh vực. Địa bàn hai tỉnh vốn là nơi quần tụ và sinh sống của nhiều dân tộc bên cạnh dãy Trường Sơn. Trong suốt tiến trình lịch sử hàng nghìn năm của hai dân tộc, các cộng đồng cư dân trên hai sườn phía Tây và phía Đông Trường Sơn thuộc địa bàn hai tỉnh là những địa phương có mối quan hệ cộng đồng lâu đời. Các con đường xuyên Trường Sơn đã tạo ra sự liên thông giữa hai tỉnh. Hầu hết, các tộc người dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn đều xuất hiện từ rất sớm và trở thành những tộc người có mối quan hệ gắn kết trong suốt thời kỳ lịch sử cổ, trung đại. Các nhà khoa học đã phát hiện trên địa bàn hai tỉnh Khăm Muộn và Quảng Bình nhiều di chỉ khảo cổ học có chung đặc điểm văn hóa, có niên đại từ hàng chục nghìn năm trước. Từ lâu đời, trên địa bàn hai tỉnh đã có sự xen cư của các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Môn - Khmer, Tày - Thái, Tạng - Miến. Trong nhiều thế kỷ, đã từng có những cuộc di dân của các nhóm người từ phía Tây Trường Sơn sang sinh sống ở phía Đông Trường Sơn và nay đã thành công dân Việt Nam như người Vân Kiều, Ma Coong, Khùa, Trì... Ngược lại, một số nhóm người trong cộng đồng người Chứt và người Mường cũng đã di cư từ phía Đông sang phía Tây Trường Sơn để rồi trở thành công dân của nước Lào. Nhiều cư dân là công dân của hai nước nhưng lại có quan hệ họ hàng từ rất lâu đời. Trong suốt chiều dài lịch sử, các dân tộc sinh sống trên địa bàn hai tỉnh đã sớm biết nương tựa vào nhau, cùng nhau xây dựng bản làng, tổ chức sản xuất và khai thác tài nguyên, ổn định đời sống và đã sớm đoàn kết, hợp tác với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung.

Quá trình cộng cư hoặc xen cư của cư dân hai tỉnh đã phản ánh sinh động, liên tục mối quan hệ từ xa xưa của nhân dân hai tỉnh. Nhà dân tộc học người Hungary Vargyas Gábor, người đã có nhiều công trình nghiên cứu về tộc người Bru[1], khi nhận xét về cộng đồng có địa bàn sinh sống trên hai biên giới quốc gia láng giềng Lào và Việt Nam, cho rằng: "Qua những biến động và hoàn cảnh lịch sử từ cổ

[1]. Từ nguyên của Brou (bru) có nguồn gốc từ ngôn ngữ Việt - Mường cổ ở miền Trung Việt Nam và Trung Lào có nghĩa là "con người của rừng". Tuy nhiên, do sự phức tạp trong cư trú, đã phát sinh nhiều tên gọi khác nhau. Ngay chính người Bru, họ có thể gọi là Trì hay Ma Coong dành cho bộ phận người Bru sống ở vùng ngoại vi.

đại kéo dài cho đến cận hiện đại, sự phân chia nếu có ở đây chỉ có thể nhìn thấy trên biên giới chính trị hành chính của bản đồ hai nước Việt - Lào. Còn trên thực tế, họ vẫn gắn bó với nhau trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống thường nhật, không hề bị gián cách quá lớn về các đặc trưng trong sinh hoạt văn hoá" (Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình, 2007, tr.39). Theo nhà nghiên cứu Steeve Daviau, có khoảng hơn 217.000 người dân thuộc tộc người này cư trú ở hai bên biên giới Lào và Việt Nam, tập trung khá đông ở vùng biên giới hai tỉnh. Nhóm Bru (Ma Coong, Chaly) ở Lào có những người đồng tộc ở miền Tây Quảng Bình và Quảng Trị khoảng 6.000 người, (bao gồm cả người Khùa, Ma Coong, Trì, Vân Kiều) (Nguyên, 1997, tr.464). Theo số liệu thống kê, đến năm 2016, ở Quảng Bình, tộc người Bru có 17.619 người. Đầu thế kỷ XIX, quân Xiêm tràn sang đô hộ nhiều lần, bắt thuế, quét dận nên người Bru ở Khăm Muộn qua lánh nạn tại miền Tây tỉnh Quảng Bình với những người đồng tộc. Cũng có lúc, khi những nhóm người Bru Khăm Muộn di cư xuống vùng đồng bằng phía Tây thì người Bru miền Tây tỉnh Quảng Bình lại di cư sang lập chỗ trống ở vùng núi phía Đông Lào. Số lượng người trong các nhóm thuộc dân tộc Bru ở Quảng Bình những năm gần đây tăng lên một phần do đời sống khá hơn, một phần do sự tăng cơ học di dân từ Lào sang.

Bên cạnh những sắc thái văn hóa riêng của mỗi tộc người, cư dân hai tỉnh cũng có những truyền thống và tập quán văn hóa tương đồng như: đề cao tính cộng đồng, cởi mở, gần gũi, thật thà, hiếu khách trong sinh hoạt, giàu lòng nhân ái và bao dung. Nhiều lễ nghi và tập quán truyền thống của các tộc người sinh sống trên địa bàn hai tỉnh như: tập quán sản xuất, sinh hoạt, ma chay, cưới xin, lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo, tâm linh... đều khá gần gũi, tương đồng. Sự tương đồng giữa văn hoá bản - mường của người Lào và văn hóa làng - nước của người Việt cũng đã thể hiện khá đậm nét trong đời sống tinh thần của người Quảng Bình - Khăm Muộn. Ảnh hưởng của đạo Phật trong đối nhân xử thế đều nêu cao phẩm chất yêu thương và hướng thiện. Sự hài hòa giữa lòng nhân ái và tinh thần cộng đồng là nét đặc sắc trong triết lý nhân sinh của người Lào và người Việt. Người Lào và người Việt đều quý trọng tình nghĩa láng giềng. Quan niệm láng giềng là quan hệ gần gũi "tối lửa, tắt đèn có nhau" vì vậy từ xa xưa cư dân giữa hai tỉnh đã có mối quan hệ tốt đẹp.

Từ lâu, cư dân khu vực biên giới hai tỉnh đã chung sống hòa thuận, coi nhau như anh em cùng lớn lên từ việc làm chung nương rẫy, từ việc uống chung nguồn nước, đi chung con đường; truyền thống văn hóa lịch sử đã gắn kết tình cảm nhân dân hai bên biên giới. Mặc dù hai bên biên giới có nhiều dân tộc khác nhau, nhưng giữa các nhóm tộc người không có sự kỳ thị, hiềm khích lẫn nhau; ngược lại, họ sống với nhau đoàn kết, thương yêu, trao đổi với nhau những kinh nghiệm trong sản xuất, hỗ trợ nhau trong kháng chiến chống ngoại xâm. Trên cơ sở gần gũi về điều kiện tự nhiên, đặc biệt là quan hệ bà con thân thuộc, các nền văn hóa dân tộc đã cài xen vào nhau; mối quan hệ giao lưu văn hóa là nền tảng của mối quan hệ Quảng Bình - Khăm Muộn thêm gắn bó bền chặt. Đường biên giới đôi khi chỉ có ý nghĩa tương đối, không chia cắt được mối quan hệ tình cảm giữa các cộng đồng cư dân. Sự tương đồng về điều kiện tự nhiên, văn hóa như vậy nên trong suốt tiến trình lịch sử, cộng đồng cư dân dọc biên giới hai tỉnh luôn có sự tương đồng về phát triển kinh tế - xã hội. Trong quá trình đó, nhân dân hai tỉnh đều chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức sản xuất, kỹ thuật canh tác, giao lưu, trao đổi, mua bán hàng hóa, sản phẩm và những dịch vụ phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; tìm được những mô hình gần gũi trong phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp và sẵn sàng hỗ trợ lẫn nhau trước những khó khăn của mỗi bên để cùng phát triển.

Điều dễ nhận thấy, sự tương đồng về các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, lịch sử và văn hóa là những nhân tố hình thành nên mối quan hệ láng giềng gần gũi giữa hai tỉnh Quảng Bình - Khăm Muộn.

4.2. Hợp tác kinh tế của cư dân hai tỉnh Quảng Bình - Khăm Muộn

Về giao thông vận tải, tỉnh Khăm Muộn có 199,225km đường biên giới quốc gia với tỉnh Quảng Bình. Với vị trí địa lý thuận lợi, Quảng Bình trở thành điểm cầu nối, là cửa ngõ quan trọng để hàng hóa của Lào nói chung, tỉnh Khăm Muộn nói riêng ra biển Đông và thế giới. Quảng Bình là một trong những tỉnh hẹp nhất Việt Nam từ Tây sang Đông, nằm trên trung lộ của các tuyến đường chiến lược xuyên Việt là quốc lộ 1A và đường mòn Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc - Nam, quốc lộ 12A chạy từ Đông sang Tây... là những cửa ngõ quan trọng, liên thông với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Hệ thống giao thông hội tụ đủ đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường biển và đường không, thuận lợi cho hoạt động giao thương, buôn bán. Các tuyến giao thông nối liền Khăm Muộn với tỉnh Quảng Bình thông qua đường 12A qua Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - Nàphàu, đường 20 qua cửa khẩu phụ Noọng Ma - Cà Roòng. Đặc biệt, tuyến đường 12A là trục giao thông quan trọng, con đường ngắn nhất cho hàng hóa của Lào, của tỉnh Khăm Muộn quá cảnh ra thế giới thông qua cảng Hòn La (tỉnh Quảng Bình) và Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh).

Thực hiện thỏa thuận hợp tác giữa hai nước, hai tỉnh, tỉnh Quảng Bình đã đầu tư, nâng cấp tuyến đường 12A nối liền hai tỉnh qua cửa khẩu quốc tế Cha Lo - Nàphàu; toàn bộ cầu cống được xây dựng mới theo tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm cho các phương tiện vận tải hoạt động thông suốt, thuận lợi. Tỉnh Quảng Bình đã hoàn thành việc mở rộng đoạn tuyến 200m đường biên giới qua mốc O1 - mốc biên giới tại cửa khẩu quốc tế Cha Lo - Nàphàu; nâng cấp tuyến đường 20 nối với tỉnh Khăm Muộn qua cửa khẩu phụ Cà Roòng - Noọng Ma phục vụ hoạt động thông thương, qua lại của nhân dân hai tỉnh; hỗ trợ xây dựng các kho bãi, kho ngoại quan, cầu

cảng để tiếp nhận hàng hóa và phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa quá cảnh của Lào (từ tỉnh Khăm Muộn) qua lãnh thổ Việt Nam (tỉnh Quảng Bình). Tỉnh Khăm Muộn cũng đã phối hợp nâng cấp các tuyến đường để tạo điều kiện cho giao lưu kinh tế giữa hai tỉnh nói riêng, hai nước nói chung, tạo điều kiện để tỉnh Quảng Bình có thể mở rộng mối quan hệ hợp tác sang các nước phía Tây của Lào (Thái Lan, Myanmar...).

Cùng với việc hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông, ngành giao thông vận tải hai tỉnh đã tổ chức khai thác các tuyến vận tải giữa tỉnh Quảng Bình với các tỉnh của Lào. Từ tháng 01/2006, sau khi tuyến vận tải hành khách từ thành phố Đồng Hới (tỉnh Quảng Bình) đến thị xã Thà Khẹc (tỉnh Khăm Muộn) và ngược lại đi vào hoạt động, đến nay đã có 5 tuyến vận tải quốc tế với nước bạn Lào: Đồng Hới - Viêng Chăn; Đồng Hới - Thà Khẹc; Đồng Hới - Savănnakhệt; Đồng Hới - Pắksế; Ba Đồn - Pắksế. Hàng hóa từ Lào qua cửa khẩu quốc tế Cha Lo - Nàphàu được đưa đi các tỉnh phía Bắc Việt Nam, một phần về cảng Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh) và Hòn La (tỉnh Quảng Bình). Hoạt động xuất nhập khẩu tại Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - Nàphàu tăng mạnh, hàng hóa đa chủng loại với nhiều loại hình xuất nhập khẩu, nhất là kể từ khi Thỏa thuận Hà Nội (năm 2007) được ký kết và chính thức có hiệu lực. Cùng với hàng hóa, số lượt người và phương tiện xuất nhập cảnh tăng, giao thương thông suốt. Năm 2010, lượng hàng hóa lưu thông đạt 506 nghìn tấn, phương tiện xuất nhập cảnh đạt 51.700 lượt, người xuất nhập cảnh đạt 176.700 lượt; năm 2013, có 415.000 lượt người, 58.800 lượt phương tiện xuất nhập cảnh. Đến năm 2015, có 69,9 nghìn lượt phương tiện với 502,945 lượt người xuất nhập cảnh; lượng hàng hóa quá cảnh đạt 960,3 nghìn tấn, trị giá gần 1,8 tỷ USD (Chi cục Hải quan cửa khẩu Cha Lo, 2011, 2016).

Về nông - lâm nghiệp, trên cơ sở kết quả hợp tác trước đây, hai tỉnh tiếp tục thực hiện thỏa thuận hợp tác trong giai đoạn mới. Tỉnh Quảng Bình đã tăng cường hỗ trợ Khăm Muộn phát triển cơ sở hạ tầng, quy hoạch các vùng kinh tế nông - lâm nghiệp; điều tra quy hoạch sản xuất nông nghiệp trên cơ sở kết hợp quy hoạch nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy lợi; triển khai công tác khảo sát thiết kế và xây dựng một số công trình thủy lợi, trạm trại nông nghiệp, một số cụm cơ khí nông nghiệp; đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật nông nghiệp, trao đổi những tiến bộ kỹ thuật, kinh nghiệm tổ chức, quản lý và sản xuất nông nghiệp, những giống cây, giống con có năng suất cao, chất lượng tốt. Hai tỉnh hợp tác điều tra khảo sát tài nguyên rừng; lập quy hoạch các loại rừng phòng hộ, khai thác, tu bổ và tái sinh rừng; lập kế hoạch khai thác, chăm sóc, tu bổ và trồng mới ở một số khu vực trọng điểm.

Tỉnh Quảng Bình đã hỗ trợ kỹ thuật và 2.100 USD để mua giống cây, phân bón tiếp tục duy trì và phát triển mô hình vườn cây ăn quả tại huyện Xêbăngphay. Tháng 10/2003, tỉnh Quảng Bình cử đoàn cán bộ chuyên gia của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về nông nghiệp cho 39 cán bộ chủ chốt ngành nông nghiệp của 9 huyện thuộc tỉnh Khăm Muộn (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình, 2019, tr.179). Hai tỉnh cũng tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tỉnh Quảng Bình hợp tác với các địa phương của Khăm Muộn nghiên cứu, triển khai dự án trồng cây cao su, xây dựng các dự án chế biến nông, lâm sản, thí điểm mô hình trồng cây ăn quả... Tuy nhiên, do năng lực, nguồn vốn của các doanh nghiệp hai bên còn hạn chế nên việc hợp tác chỉ dừng lại ở quy mô nhỏ.

Các mô hình thí điểm phát triển nông nghiệp gắn với nông thôn mới tại các vùng, miền đặc trưng như miền núi, đồng bằng, trung du; các dự án về điện, đường, trường, trạm được triển khai ở thị xã Thà Khẹc và huyện biên giới Bua-la-pha và các dự án nông nghiệp bước đầu đã phát huy tác dụng, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, tạo ra cuộc sống ổn định cho nông dân, giảm bớt tình trạng du canh, du cư, di dân tự do và góp phần bảo đảm an ninh vùng biên giới, giúp Khăm Muộn hoạch định chương trình sản xuất nông, lâm nghiệp, góp phần nâng cao đời sống của cư dân biên giới.

Hoạt động hợp tác về thương mại, đầu tư, du lịch được đẩy mạnh, giúp hàng hóa Việt Nam tiếp cận thị trường Lào qua trục Quảng Bình - Khăm Muộn, từ đó mở rộng sang thị trường nước thứ ba, trước hết là các nước trong tiểu vùng Mê Kông. Tỉnh Quảng Bình giúp Lào trao đổi và vận chuyển hàng hóa thiết yếu, đặc biệt là về kho bãi và đường ra biển Đông qua Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - Nàphàu theo quốc lộ 12A.

Đối với hoạt động thương mại và dịch vụ, hai tỉnh đã có những chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, thương nhân phát huy lợi thế của tỉnh để tiến hành trao đổi, mua bán hàng hóa qua cửa khẩu, cửa khẩu phụ và các lối mở; tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục xuất nhập cảnh đối với người và phương tiện, xuất nhập khẩu đối với hàng hóa. Thực hiện chế độ ưu đãi thuế đối với chế độ hàng hóa có xuất xứ từ Lào vào Việt Nam và từ Việt Nam sang Lào; phối hợp tổ chức và tham gia các hội chợ thương mại quốc tế của nhau. Với sự nỗ lực của hai tỉnh và sự quan tâm của Chính phủ hai nước, ngày 10/01/2001, Cửa khẩu Cha Lo - Nàphàu chính thức trở thành cửa khẩu quốc tế. Các hoạt động thương mại biên giới giữa hai tỉnh nói chung và tình hình xuất nhập khẩu qua Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - Nàphàu nói riêng đã có bước phát triển mới, lưu lượng hàng hóa tăng cả về số lượng, giá trị cũng như chủng loại qua từng năm. Theo đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa không ngừng tăng lên: năm 2001 đạt 2,1 triệu USD; năm 2005 đạt 3,8 triệu USD; năm 2010 đạt 129,2 triệu USD; năm 2015 đạt 348,12 triệu USD và năm 2018 đạt 773,5 triệu USD (*xem Bảng*); trong đó, năm 2017 có tổng kim ngạch thương mại giữa hai tỉnh đạt mức cao nhất, đạt 959,8 triệu USD (Chi cục Hải quan cửa

khẩu Cha Lo, 2018).

Bảng: Số liệu thương mại biên giới Việt Nam - Lào qua tỉnh Quảng Bình

Đơn vị tính: triệu USD

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	Cân đối thương mại
2001	0.09	2.01	2.1	-1.92
2005	0.85	2.95	3.8	-2.10
2010	43.3	85.9	129.2	-42.60
2015	56.01	292.11	348.12	-236.10
2016	55.02	517.75	572.77	-462.73
2017	56.10	903.70	959.80	-847.60
2018	42.50	695.00	737.50	-652.50

Nguồn: Sở Công thương tỉnh Quảng Bình, Cục Hải quan tỉnh Quảng Bình; UBND tỉnh Quảng Bình, 2017.

Năm 2003, Chính phủ hai nước đã cho phép mở cửa khẩu phụ Cà Roòng - Noọng Ma trên tuyến biên giới hai tỉnh, thực hiện xuất nhập khẩu hàng hóa qua tuyến đường 20 và phục vụ nhu cầu đi lại, thông thương giữa nhân dân hai tỉnh. Đến nay, lưu lượng hàng hóa qua cửa khẩu phụ đạt 17 nghìn tấn, kim ngạch đạt hơn 16 triệu USD; riêng năm 2015, kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Cà Roòng - Noọng Ma đạt 3,3 triệu USD, mức cao nhất kể từ khi cửa khẩu chính thức đi vào hoạt động cho đến nay (Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, 2015). Tuy nhiên, do những khó khăn nhất định, nhất là hạ tầng giao thông, nên hàng hóa xuất nhập khẩu chủ yếu là mặt hàng gỗ được xuất khẩu từ Khăm Muộn, các mặt hàng nhập khẩu từ Quảng Bình sang là rất ít.

Về cơ cấu hàng hóa, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Khăm Muộn là sản phẩm gỗ các loại, thạch cao nguyên liệu, trái cây các loại, trâu, bò, phân bón, gạo, tấm trần nhựa PVC, hàng điện tử, ô tô nguyên chiếc, hoa quả tươi, sắn... Mặt hàng nhập khẩu từ Quảng Bình sang chủ yếu là than cám, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, nông sản, hải sản...

Công tác cải cách, hiện đại hóa, tạo thuận lợi của các cơ quan chức năng cũng góp phần thu hút các doanh nghiệp trao đổi hàng hóa qua hướng Cửa khẩu quốc tế Cha Lo - Nàphàu. Ngoài thủ tục thông thoáng hơn trước khi thông quan điện tử thì đường sá từ Myanmar, Thái Lan về Việt Nam qua Cha Lo - Nàphàu để ra Hòn La (tỉnh Quảng Bình), Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh) được xem là cung đường gần nhất nên các chủ doanh nghiệp thường chọn Cha Lo - Nàphàu là trục chính để vừa vận chuyển hàng hóa nhanh, vừa tiết kiệm chi phí vận chuyển hàng hóa là rất lớn.

Tuy hoạt động thông thương, buôn bán giữa hai tỉnh thông qua cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu phụ và lối mở tăng, nhưng nhìn chung, cán cân thương mại hàng hóa giữa hai tỉnh trong giai đoạn này vẫn chủ yếu nghiêng về phía Khăm Muộn và có xu hướng tăng dần qua từng năm, cao nhất là năm 2017, cân đối thương mại của Quảng Bình đạt âm 847,6 triệu USD (Chi cục Hải quan cửa khẩu Cha Lo, 2018; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, 2017) (*xem Biểu đồ*). Nguyên nhân là do cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu chưa đa dạng, phụ thuộc chủ yếu vào một số mặt hàng chủ lực, nhạy cảm với biến động giá cả thị trường thế giới, sự điều chỉnh trong chính sách nhập khẩu của Lào với một số nhóm hàng có tỷ trọng và kim ngạch nhập khẩu lớn của Việt Nam như gỗ tròn, khoáng sản... Bên cạnh đó, hàng hóa xuất khẩu từ Quảng Bình sang còn chịu tác động mạnh khi phải cạnh tranh với hàng hóa giá rẻ từ các nước như Trung Quốc, Thái Lan. Đây là một thực tế cần phải nhìn nhận về lâu dài nhằm từng bước cân bằng cán cân thương mại giữa hai tỉnh cũng như gia tăng ảnh hưởng của hàng hóa Việt Nam nói chung, của Quảng Bình nói riêng tại Khăm Muộn (Lào).

Đơn vị tính: triệu USD

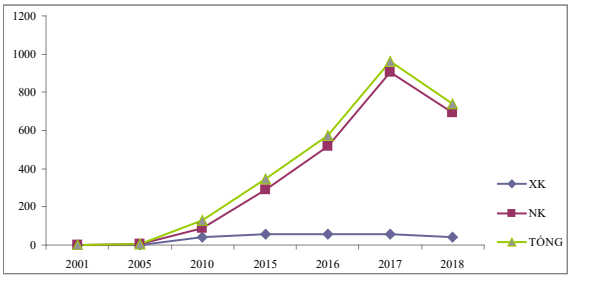

Biểu đồ: Kim ngạch xuất nhập khẩu của 2 tỉnh Quảng Bình - Khăm Muộn

Nguồn: Chi cục Hải quan cửa khẩu Cha Lo: 2011, 2016, 2017, 2018, 2019; UBND tỉnh Quảng Bình, 2017.

Hoạt động xúc tiến đầu tư giữa hai tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Đặc biệt, các doanh nghiệp của tỉnh Quảng Bình đã chú trọng đầu tư vào các ngành khai khoáng, thủy điện, công nghiệp chế biến gỗ, phân bón, dược phẩm, trồng cao su... kết hợp với việc xây dựng cơ sở hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực, tạo ra những mô hình sản xuất, kinh doanh mới, gắn phát triển kinh tế với thực hiện mục tiêu công bằng xã hội và phát triển bền vững. Hiện nay, có một số dự án của các doanh nghiệp tỉnh Quảng Bình đang đầu tư về khai thác khoáng sản và xây dựng tại tỉnh Khăm Muộn như Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất than xanh tại thị xã Thà Khẹc với tổng số vốn đầu tư 6 tỷ đồng, công suất 1.080 tấn/năm (Tỉnh ủy Quảng Bình, 2015).

Năm 2014, Công ty TNHH Petro Lào đã tiến hành khảo sát đầu tư dự án xây dựng kho ngoại quan và đường ống dẫn dầu từ cảng biển Hòn La, tỉnh Quảng Bình sang tỉnh Khăm Muộn. Dự án có chiều dài 270-300km, với tổng vốn đầu tư gần 700 triệu USD. Đây là dự án 100% vốn đầu tư do Chính phủ và doanh nghiệp Lào thực hiện đầu tư; Công ty Cổ phần Petro Lào được Chính phủ Lào giao nhiệm vụ

làm đầu mối thực hiện dự án. Dự án giúp tiết kiệm, giảm chi phí vận chuyển và bảo đảm an ninh năng lượng tại Lào; góp phần tăng cường giao thương hai nước, hai tỉnh, bảo đảm ổn định và phát triển ngành năng lượng của Lào. Để dự án được triển khai thuận lợi, tỉnh Quảng Bình cùng với các bộ, ngành Trung ương tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để Công ty Cổ phần Petro Lào hoàn thiện các thủ tục, triển khai đầu tư xây dựng dự án (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình, 2019, tr.184).

Trong lĩnh vực du lịch, thông qua các cuộc hội đàm của đoàn đại biểu cấp cao, hai tỉnh đã đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, hợp tác phát triển du lịch, tổ chức khảo sát, khai thác các thế mạnh về du lịch của mỗi tỉnh. Hai tỉnh đã phối hợp bảo tồn và phát huy các giá trị di sản thiên thiên thế giới như Vườn quốc gia Hin - Nậm Nô và Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, các di tích văn hóa - lịch sử, lịch sử cách mạng khác. Hằng năm, tỉnh Quảng Bình đã tổ chức hội nghị xúc tiến, tuyên truyền quảng bá hình ảnh của tỉnh đến các tỉnh Khăm Muộn, Savănnakhệt (Lào), Sakon Nakhon (Thái Lan) và ngược lại. Năm 2012, tỉnh Quảng Bình cử đoàn cán bộ cùng các doanh nghiệp đi xúc tiến du lịch tại các tỉnh Khăm Muộn, Savănnakhệt (Lào) và các tỉnh Đông Bắc Thái Lan để thiết lập mạng lưới du lịch khu vực tiểu vùng sông Mê Công. Đến năm 2014, tại Thà Khẹc, lãnh đạo bốn tỉnh Quảng Bình, Khăm Muộn, Nakhon Phanom và Sakon Nakhon (Thái Lan) đã tiến hành họp bàn và đi đến ký kết Biên bản ghi nhớ về việc mở tuyến vận tải du lịch từ tỉnh Nakhon Phanom và Sakon Nakhon qua Khăm Muộn tới tỉnh Quảng Bình và ngược lại. Năm 2015, tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư và quảng bá du lịch với sự tham dự của nhiều tổ chức, tập đoàn, doanh nghiệp trong và ngoài nước và của lãnh đạo các tỉnh Khăm Muộn, Savănnakhệt (Lào), Sakon Nakhon (Thái Lan). Đây là cơ sở thuận lợi cho việc tìm hiểu, liên kết phát triển du lịch giữa tỉnh Quảng Bình với các tỉnh bạn Lào, Thái Lan nói chung và tỉnh Khăm Muộn nói riêng.

Tỉnh Quảng Bình đã xây dựng các tour du lịch quốc tế đến Khăm Muộn và một số tỉnh, thành phố của Lào như: Đồng Hới - Thà Khẹc, Đồng Hới - Thà Khẹc - Bôlikhămsai, Đồng Hới - Savănnakhệt, Đồng Hới - Viêng Chăn. Ngoài ra, hai tỉnh còn tham gia sáng lập hiệp hội các tỉnh của ba nước Việt Nam, Lào, Thái Lan có sử dụng chung đường 8, đường 12, trong đó tập trung vào các lĩnh vực chính: đầu tư, thương mại, du lịch; giáo dục, đào tạo; giao lưu văn hóa. Tỉnh Quảng Bình đã cho tỉnh Khăm Muộn thuê đất để xây dựng Nhà khách tại thành phố Đồng Hới, với diện tích 10.500m² (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình, 2019, tr.184). Thông qua các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch đã khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực du lịch, góp phần thu hút lao động tại chỗ, thúc đẩy sản xuất của địa phương, tăng cường cơ sở hạ tầng, thúc đẩy giao thông phát triển, tạo động lực cho sự phát triển của mỗi tỉnh.

Quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai tỉnh trong gần hai thập niên đầu thế kỷ XXI đã có những bước phát triển mới so với trước đây; thương mại hàng hóa ngày càng tăng về tổng kim ngạch trao đổi và giá trị, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của hai tỉnh. Tuy nhiên, trong quan hệ hợp tác vẫn còn những khó khăn, tồn tại nhất định, kết quả hợp tác trên lĩnh vực kinh tế vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và mong muốn của hai tỉnh. Với xuất phát điểm thấp, điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh tế - xã hội của cả hai tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn và nhất là sự cạnh tranh gay gắt đến từ các nước láng giềng như Thái Lan, Trung Quốc là những thách thức không nhỏ cho sự hợp tác của hai tỉnh trong thời gian tới.

5. Thảo luận

Ở cả hai bên biên giới Quảng Bình - Khăm Muộn đều là vùng rừng núi, kinh tế - xã hội kém phát triển. Cư dân trong khu vực có quan hệ lâu đời, gần gũi, cộng cư, xen cư. Cùng với đường lối, chính sách xuất phát từ quan hệ hữu nghị đặc biệt giữa hai Đảng và hai Nhà nước Việt Nam - Lào, những đặc điểm tự nhiên, lịch sử, xã hội của khu vực, là tiền đề thuận lợi để quan hệ kinh tế, giữa các dân tộc hai tỉnh phát triển và thu được nhiều thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, quan hệ kinh tế giữa hai tỉnh phần lớn thông qua sự hỗ trợ, giúp đỡ từ phía tỉnh Quảng Bình. Quan hệ hợp tác giữa cư dân vùng biên giới hai nước, hai tỉnh trên lĩnh vực kinh tế nhằm mục đích phối hợp và hỗ trợ lẫn nhau để duy trì, bảo vệ lợi ích căn bản của mỗi bên. Do vậy, trong mối quan hệ hợp tác, cần thiết phải khơi dậy tối đa tiềm năng, nỗ lực của mỗi bên trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, tự chủ, sáng tạo của mỗi dân tộc, thực hiện hợp tác bình đẳng, hai bên cùng có lợi, kết hợp với ưu tiên, ưu đãi một cách hợp lý để quan hệ hữu nghị truyền thống đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai tỉnh Quảng Bình - Khăm Muộn, hai dân tộc Việt Nam - Lào ngày càng phát triển bền vững trong những năm tới.

6. Kết luận

Sự phát triển không ngừng trong quan hệ Việt Nam - Lào là nhân tố quan trọng, bảo đảm vững chắc mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa các địa phương của hai nước, trong đó có quan hệ hợp tác giữa Khăm Muộn và Quảng Bình. Quan hệ Quảng Bình - Khăm Muộn là một bộ phận cấu thành nên mối quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Lào, là một bằng chứng, biểu hiện sinh động của tình cảm đặc biệt giữa hai nước. Tình cảm gắn bó, tinh thần hợp tác toàn diện của hai dân tộc nói chung, cư dân các dân tộc hai tỉnh nói riêng là nhân tố quyết định sự thành công trong quan hệ hợp tác của các tỉnh có chung đường biên giới hai nước, trong đó có 2 tỉnh Quảng Bình - Khăm Muộn.

Quảng Bình - Khăm Muộn là hai tỉnh có sự gần gũi về địa lý, lịch sử và văn hóa truyền thống nên cư dân hai tỉnh sớm có quan hệ gắn bó với nhau. Đây là mối quan hệ được gắn kết bởi hoàn cảnh địa lý tự nhiên cũng như trong quá trình dựng nước và

giữ nước, phản ánh được yêu cầu khách quan của lịch sử. Những kết quả đạt được trong quan hệ hợp tác giữa cư dân hai tỉnh trên lĩnh vực kinh tế trong những năm gần đây là cơ sở quan trọng để hai bên tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện ngày càng thực chất, hiệu quả góp phần phát triển kinh tế - xã hội của hai dân tộc, hai tỉnh trong những năm tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Bình. (2019). *Lịch sử quan hệ đặc biệt Quảng Bình - Khăm Muộn (1945-2015)*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

Chi cục Hải quan cửa khẩu Cha Lo. (2011). *Báo cáo số liệu năm 2010, số 16/BC-HQCL, ngày 20/01/2011*.

Chi cục Hải quan cửa khẩu Cha Lo. (2016). *Về việc chốt số liệu năm 2015, số 18/HQCL-TH, ngày 07/01/2016*.

Chi cục Hải quan cửa khẩu Cha Lo. (2017). *Về việc chốt số liệu năm 2016, số 17/HQCL-TH, ngày 07/01/2017*.

Chi cục Hải quan cửa khẩu Cha Lo. (2018). *Về việc chốt số liệu năm 2017, số 08/HQCL-TH, ngày 05/01/2018*.

Chi cục Hải quan cửa khẩu Cha Lo. (2019). *Về việc chốt số liệu năm 2018, số 17/HQCL-TH, ngày 10/01/2019*.

Nguyên, H. (1997). *Lào - Đất nước con người*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.

Tỉnh ủy Quảng Bình. (2015). *Báo cáo tình hình, quan hệ hợp tác giữa tỉnh Quảng Bình với các tỉnh của nước CHDCND Lào năm 2015, số 04-BC/TU, ngày 30/10/2015*.

Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình. (2007). *Hoa trên đá núi*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. (2000). *Biên bản hội đàm giữa Đoàn đại biểu Đảng, chính quyền tỉnh Quảng Bình và Đoàn đại biểu Đảng, chính quyền tỉnh Khăm Muộn, ngày 10/10/2000*.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. (2015). *Báo cáo tình hình viện trợ, hợp tác với Lào và Campuchia giai đoạn 2011-2015, số 1567/BC-UBND, ngày 07/12/2015*.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. (2017). *Báo cáo tình hình thực hiện Thỏa thuận Hà Nội năm 2007 về tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hóa qua lại biên giới tại cặp cửa khẩu quốc tế Cha Lo - Nà Phàu, số 103/BC-UBND, ngày 22/5/2017*.

Vụ Thương mại miền núi, Bộ Công thương. (2009). *Công văn báo cáo tình hình thực hiện chính sách Khu kinh tế cửa khẩu tại tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Trị, số 141/TMMN ngày 25/5/2009*.

ECONOMIC COOPERATION BETWEEN RESIDENTS OF QUANG BINH PROVINCE (VIETNAM) AND KHAM MUON PROVINCE (LAOS)

Nguyen Viet Xuan

Organizing Committee of Quang Binh Provincial Party Committee
Email: *vietxuan.tctuqb@gmail.com*

Received: 20/5/2020
Reviewed: 22/5/2020
Revised: 26/5/2020
Accepted: 09/6/2020
Released: 21/6/2020

DOI:
https://doi.org/10.25073/0866-773X/431

Abstracts

In the course of history, residents of ethnic groups along the Vietnam – Laos border, Quang Binh and Khammouane provinces have had close relationships, community, intercourse and close marriages, making an important contribution to building a special relationship between the two countries, protecting and preserving the sovereignty of national borders. Based on the special relationship of Vietnam - Laos, the results of cooperation, especially economic cooperation between residents of Quang Binh - Khammouane provinces have played an important role, contributing to the development of socio-economy of each locality in the first years of the 21st century. This is one of the important factors to further tighten the cooperation relationship between the two provinces in particular and the two peoples of Vietnam - Laos in general.

Keywords

Economic cooperation; Khammouane province; Quang Binh province; Vietnam - Laos friendly relationship.